

Số: /KH-BTTr-BCĐ

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 (Pfizer) do Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ đợt 58-59/2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Thực hiện tiếp theo Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-VSDTTU ngày 11/10/2021 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 58-59.

Ban Thường trực - Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch tỉnh Gia Lai phân bổ vắc xin đến các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố thực hiện trả Mũi 2 vắc xin Pfizer cho cán bộ hưu trí do Ban chăm sóc sức khỏe tỉnh quản lý và lập danh sách ưu tiên tiêm Mũi 1 cho người trên 65 tuổi đang cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC TIÊU

- Hoạt động tiêm chủng thực hiện theo Kế hoạch số 905/KH-UBND đã được phê duyệt.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Vắc xin, Đối tượng, phạm vi, thời gian, địa điểm triển khai

1.1. Vắc xin

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-VSDTTU của Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương.

Vắc xin (Pfizer):

+ Số liều nhận: 81.900 liều (Số lô: 32136BA, rã đông ngày 14/10/2021).

Vắc xin phân bổ đến các điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (phụ lục I kèm theo).

1.2. Đối tượng triển khai .

Vắc xin Pfizer:

- Trả Mũi 2 vắc xin Pfizer:

+ Cán bộ hưu trí đã được tiêm mũi 1 vắc xin Pfizer trên 3 tuần do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý.

+ Trả mũi 2 vắc xin Pfizer cho nhóm đối tượng đã tiêm mũi 1 AstraZeneca trên 8 tuần.

+ Trả mũi 2 vắc xin PfiZer cho nhóm đối tượng đã tiêm mũi 1 Modena trên 4 tuần.

- Lập danh sách ưu tiên tiêm Mũi 1 cho các Chức sắc Tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

- Lập danh sách ưu tiên tiêm Mũi 1 cho Công dân trên 65 tuổi đang cư trú, sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập danh sách đúng đối tượng theo sự chỉ đạo của Ban phòng chống dịch huyện, thị xã, thành phố. Sau khi triển khai nếu vắc xin PfiZer không sử dụng hết, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tham mưu Ban chỉ đạo phòng, chống dịch huyện, thị xã, thành phố mở rộng đối tượng theo Nghị quyết 21/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 3355/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

1.3. Phạm vi triển khai

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ban chỉ đạo phòng, chống dịch mở rộng điểm tiêm tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

1.4. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Triển khai tùy theo điểm tiêm bố trí thời gian tiêm cho phù hợp và kết thúc trước 25/10/2021.

- Địa điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

2. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin, vật tư

- Theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Tập huấn cho cán bộ y tế về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn.

4. Truyền thông về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Thời gian thực hiện: Trước, trong và sau khi triển khai tiêm chủng.

5. Tổ chức tiêm chủng

5.1. Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại địa phương

- Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch đề ra.

5.2. Hình thức tổ chức buổi tiêm

- Tổ chức chiến dịch tiêm vắc xin phòng, chống dịch Covid-19.

5.3. Đơn vị tổ chức điểm tiêm chủng

- Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng và hạn chế các sự cố trong tiêm chủng.

6. Kế hoạch buổi tiêm chủng:

Đảm bảo trong phòng, chống dịch COVID-19 các đơn vị bố trí theo khung giờ hạn chế đông người tại buổi tiêm.

*** Lưu ý:** Đơn vị y tế hướng dẫn địa phương lập danh sách theo biểu mẫu do Bộ

Y tế ban hành và điền các nội dung, thông tin cá nhân vào phiếu trước khi tiêm:

+ *Tờ khai y tế; Phiếu đồng ý tiêm chủng; Giấy xác nhận tiêm chủng.*

7. Công tác đảm bảo tiêm chủng

- Đảm bảo nhân lực, vật lực;
- Đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch;
- Giám sát điểm tiêm chủng;
- Quản lý bơm kim tiêm và rác thải y tế sau buổi tiêm;
- Hàng ngày báo cáo kết quả triển khai tiêm chủng và phản ứng sau tiêm.

8. Trách nhiệm từng đơn vị

8.1. Đối với cơ sở tiêm chủng

- Xếp lịch tiêm, thông báo đến từng địa phương và đơn vị được tiêm vắc xin. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai tiêm chủng phải quản lý **đối tượng tiêm trên phần "Hồ sơ sức khỏe"**.

8.2. Đơn vị được tiêm vắc xin phòng COVID-19

- Ủy ban nhân dân huyện thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn có trách nhiệm lập danh sách, điền đầy đủ các thông tin theo biểu mẫu mà cơ quan y tế yêu cầu.

- Đơn vị nào có danh sách tiêm vắc xin COVID-19 mà không đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan y tế thì coi như không được tiêm chủng trong đợt này.

Trên đây là Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 đợt 58-59 trên địa bàn tỉnh Gia Lai Trung tâm Y tế huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Y tế dự phòng;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Các thành viên BCĐ phòng, chống dịch của tỉnh;
- Ban Tôn giáo-Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thành phố;
- TTYT các huyện, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu: VT, BCĐ.

**Nguyễn Đình Tuấn
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

Phụ lục I
PHÂN PHỐI VẮC XIN TIÊM PHÒNG COVID-19

TT	Địa phương	ĐỐI TƯỢNG Trên 18 tuổi	Vắc xin PfiZer		Dung môi	Bơm kim tiêm		Hộp an toàn
			Số Liều	Số Lọ		0,1ml	5ml	
1	Pleiku	175,436	14,940	2,490	2,490	16,400	2,740	210
2	An Khê	45,599	3,900	650	650	4,300	700	55
3	Ia Grai	66,396	5,700	950	950	6,300	1,050	80
4	Đăk Pơ	26,406	2,298	383	383	2,500	420	32
5	Chư Păh	49,289	4,200	700	700	4,600	770	59
6	Đức Cơ	45,218	3,900	650	650	4,300	710	55
7	Chư Sê	74,722	6,360	1,060	1,060	7,000	1,170	90
8	Mang Yang	40,995	3,510	585	585	3,800	650	49
9	Ia pa	35,586	3,060	510	510	3,350	560	42
10	Chư Prông	76,129	6,480	1,080	1,080	7,100	1,190	90
11	Ayun Pa	26,024	2,292	382	382	2,500	420	32
12	Đăk Đoa	75,360	6,420	1,070	1,070	7,000	1,180	90
13	K Bang	42,619	3,660	610	610	4,000	670	50
14	Krông Pa	52,841	4,500	750	750	5,000	820	64
15	Kông Chro	30,658	2,640	440	440	2,900	480	37
16	Phú Thiện	48,893	4,200	700	700	4,600	770	60
17	Chư Puh	44,443	3,840	640	640	4,200	700	55
Tổng cộng		956,614	81,900	13,650	13,650	89,850	15,000	1,150